

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Tân Yên

Chương: 423

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày tháng 01 năm 2026 của
Bệnh viện Đa khoa Tân Yên)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Bệnh viện Đa khoa Tân Yên công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 1) như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	87.350
1	Lệ phí	-
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	-
	Phí ATTP	-
	Phí ...	
3	Giá dịch vụ	87.350
	Dịch vụ GD pháp y	
	Dịch vụ Y tế dự phòng, Dịch vụ kiểm nghiệm	
	Dịch vụ từ TYT	
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	80.050
	Dịch vụ trông giữ xe, căng tin, quầy thuốc	600
	Dịch vụ xã hội hóa: Khám bệnh, chữa bệnh; tiêm vắc xin	6.700
	Thu khác	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	87.156
1	Chi sự nghiệp	87.156
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	87.156
*	Thu phí, lệ phí từ dự phòng	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
*	Thu dịch vụ	87.156
	Thu từ Dự phòng	
	Thu từ TYT	
	Thu từ khám, chữa bệnh	87.156
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	194
1	Lệ phí	-
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	-
	Phí ATTP	-
	Phí ...	-
3	Giá dịch vụ	194
	Dịch vụ GD pháp y	
	Dịch vụ Y tế dự phòng, Dịch vụ kiểm nghiệm	
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	
	- Thu của người bệnh	
	- Thu từ cơ quan Bảo hiểm	
	Dịch vụ trông giữ xe, căng tin, quầy thuốc	
	Dịch vụ xã hội hóa: Khám bệnh, chữa bệnh; tiêm vắc xin	194
	Thu khác	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	870
I	Nguồn ngân sách trong nước	870
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	870
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	870
	Khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự	870
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	